

CÔNG TY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 32/CV/2026/DMN

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
QUÝ CỔ ĐÔNG

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần Domenal thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán **năm 2025** như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

- Mã chứng khoán: DMN
- Địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0277.3890711 – 039 5551044
- Email: ngocyen.dmn@gmail.com hoặc vodinhhai2011@gmail.com
- Website: <http://domenal.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC kiểm toán năm 2025:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại năm 2025:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 26/03/2025 tại đường dẫn: <http://domenal.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Trân trọng!

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán 2025
- Văn bản giải trình

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS đề b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và được thay đổi lần thứ 19 ngày 29 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- Kho bãi và lưu gửi hàng hoá.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Từ ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	Từ ngày 24/04/2024
Ông Võ Đình Hải	Thành viên	Từ ngày 24/04/2024

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát	Từ ngày 26/11/2024
Bà Lê Thị Bảo Trâm	Thành viên	Từ ngày 24/04/2024
Bà Phan Thị Cẩm Hương	Thành viên	Từ ngày 24/04/2024

Ban quản lý điều hành

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm và miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Từ ngày 24/04/2024
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	Từ ngày 24/04/2024

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính, kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

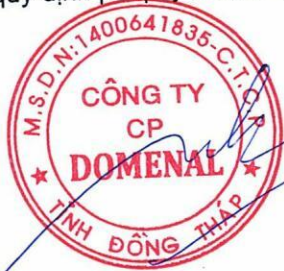
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 160/2026/BCKT-HCM.00247

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Domenal (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Domenal tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÙI VĂN BÔNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0177-2023-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		248.718.892.708	196.278.684.278
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.005.334.258	81.407.248
Tiền	111		3.005.334.258	81.407.248
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	8.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.878.707.149	124.436.058.830
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	152.832.310.077	123.192.519.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	15.877.664.760	1.080.768.730
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	168.732.312	162.771.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		68.201.549.210	69.658.220.203
Hàng tồn kho	141	5.6	68.201.549.210	69.658.220.203
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		633.302.091	2.102.997.997
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	401.508.771	243.060.771
Thuế GTGT được khấu trừ	152		231.793.320	1.859.937.226
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.202.716.487	210.441.490.389
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		67.988.117.132	70.674.806.664
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	57.454.281.967	60.140.971.499
Nguyên giá	222		129.008.851.225	127.397.512.111
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.554.569.258)	(67.256.540.612)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.533.835.165	10.533.835.165
Nguyên giá	228		10.563.835.165	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	137.400.000.000	137.400.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		108.000.000.000	108.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.400.000.000	29.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.814.599.355	2.366.683.725
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	1.814.599.355	2.366.683.725
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		455.921.609.195	406.720.174.667

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		277.678.399.679	243.576.785.177
Nợ ngắn hạn	310		243.443.983.329	195.442.368.827
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	5.834.729.925	11.045.244.768
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	50.267.733.369	7.171.272.136
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.726.853.286	263.941.339
Phải trả người lao động	314		1.016.874.283	1.017.051.627
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	631.601.485	450.771.572
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	755.982.523	5.739.391.623
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	180.210.208.458	169.754.695.762
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		34.234.416.350	48.134.416.350
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	-	6.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	34.234.416.350	41.634.416.350
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		178.243.209.516	163.143.389.490
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	178.243.209.516	163.143.389.490
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.974.148.571	5.974.148.571
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.269.060.945	32.169.240.919
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.169.240.919	31.388.179.292
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.099.820.026	781.061.627
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		455.921.609.195	406.720.174.667


NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		501.267.097.000	509.371.275.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		303.000.000	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	500.964.097.000	509.371.275.000
Giá vốn hàng bán	11	6.2	463.116.183.644	464.128.414.763
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.847.913.356	45.242.860.237
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	837.626.234	1.782.301.032
Chi phí tài chính	22	6.4	14.178.039.649	15.256.797.549
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		14.139.388.478	15.240.626.154
Chi phí bán hàng	25	6.5	334.736.000	66.850.300
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.744.614.518	30.445.577.826
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.428.149.423	1.255.935.594
Thu nhập khác	31	6.7	365.834.365	185.000
Chi phí khác	32	6.8	282.286.145	223.322.372
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		83.548.220	(223.137.372)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.511.697.643	1.032.798.222
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	6.411.877.617	251.736.595
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.099.820.026	781.061.627


NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.511.697.643	1.032.798.222
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.415.047.615	5.161.864.637
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		208.026	5.159.259
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(318.026.907)	(1.361.405)
Chi phí lãi vay	06		14.139.388.478	15.240.626.154
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		40.748.314.855	21.439.086.867
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(42.814.504.413)	118.339.328.753
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		1.456.670.993	(52.191.742.437)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		26.624.139.211	(52.181.643.222)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		393.636.370	(952.357.527)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.119.303.500)	(15.233.178.985)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(2.010.000.000)	(5.071.059.662)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		10.278.953.516	14.148.433.787
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, Xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.728.358.083)	(5.005.340.125)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		218.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		99.845.089	1.361.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.410.331.176)	(5.003.978.720)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	468.609.512.687	502.580.724.929
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(465.553.999.991)	(513.824.923.719)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.055.512.696	(11.244.198.790)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		2.924.135.036	(2.099.743.723)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		81.407.248	2.181.317.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(208.026)	(166.999)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	3.005.334.258	81.407.248

NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và được thay đổi lần thứ 19 ngày 29 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 125.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2025, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết được chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 06A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường An Thới Đông, TP. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	39,20%	39,20%	39,20%
--------------------------------------	---	---	--------	--------	--------

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 68 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi. Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan.

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

Đối tượng sau đây được xem là các bên liên quan:

Đối tượng

Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát

Quan hệ

Công ty con
Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các nhân sự chủ chốt của Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.198.611	4.052.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	3.000.180.288	73.191.376
- USD (*)	3.955.359	4.163.385
	3.005.334.258	81.407.248

(*) Tiền gửi ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 151,68 USD tương đương 3.955.359 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 164,88 USD tương đương 4.163.385 VND).

5.2 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gửi là 12 tháng, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh với lãi suất 5,00%/năm.

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát (1)	108.000.000.000	-	(*)	108.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát (2)	29.400.000.000	-	(*)	29.400.000.000	-	(*)
	137.400.000.000	-		137.400.000.000	-	

(1) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát với số tiền là 108.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ sở hữu 100%. Hoạt động chính của Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát với số tiền 29.400.000.000 VND sở hữu 2.940.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,2% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy Sản Trường Phát là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Thốt Nốt	47.983.490.775	30.889.085.775
Đoàn Văn Nê	44.316.075.504	7.875.417.503
Trần Văn Tài	27.025.688.662	-
Nguyễn Hồ Trung Tín	14.500.314.715	-
Các khách hàng khác	19.006.740.421	84.428.015.822
	152.832.310.077	123.192.519.100

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước các tổ chức khác		
Công ty TNHH Thương mại LGL	13.345.000.000	-
Công ty TNHH Cơ nhiệt GREENBOILER	610.740.000	94.050.000
Công ty TNHH Máy và Thiết bị Công nghệ	584.000.000	219.000.000
Hoá chất Môi trường MECIE	1.337.924.760	767.718.730
Các nhà cung cấp khác		
	15.877.664.760	1.080.768.730

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng án phí	163.732.312	-	131.587.000	-
Tạm ứng nhân viên	5.000.000	-	30.000.000	-
Các khoản phải thu khác	-	-	1.184.000	-
	168.732.312	-	162.771.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.411.792.856	-	55.496.841.420	-
Công cụ dụng cụ	305.669.091	-	882.449.736	-
Thành phẩm	8.484.087.263	-	3.267.059.047	-
Hàng hoá	-	-	10.011.870.000	-
	68.201.549.210	-	69.658.220.203	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công cụ dụng cụ	159.509.232	136.124.428
Chi phí bảo hiểm	46.422.746	42.487.500
Chi phí sửa chữa	195.576.793	64.448.843
	401.508.771	243.060.771

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL
 Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí sửa chữa	681.072.070	482.456.830
Công cụ dụng cụ	1.133.527.285	1.884.226.895
	1.814.599.355	2.366.683.725

5.8 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	58.319.083.985	63.595.439.230	3.841.081.696	956.443.200	685.464.000	127.397.512.111
Tăng do mua sắm	122.534.000	1.494.756.083	738.311.917	-	-	2.355.602.000
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	-	372.756.083	-	-	372.756.083
Thanh lý trong năm	-	-	(1.117.018.969)	-	-	(1.117.018.969)
Tại ngày 31/12/2025	58.441.617.985	65.090.195.313	3.835.130.727	956.443.200	685.464.000	129.008.851.225
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	43.157.642.549	18.666.739.570	3.841.081.696	956.443.200	634.633.597	67.256.540.612
Khấu hao trong năm	2.017.695.884	3.372.302.083	3.683.648	-	21.366.000	5.415.047.615
Thanh lý trong năm	-	-	(1.117.018.969)	-	-	(1.117.018.969)
Tại ngày 31/12/2025	45.175.338.433	22.039.041.653	2.727.746.375	956.443.200	655.999.597	71.554.569.258
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	15.161.441.436	44.928.699.660	-	-	50.830.403	60.140.971.499
Tại ngày 31/12/2025	13.266.279.552	43.051.153.660	1.107.384.352	-	29.464.403	57.454.281.967

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	-	12.212.833.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	17.610.358.836
Tại ngày 31/12/2025	18.926.560.875	16.137.902.834	2.724.062.727	956.443.200	600.000.000	39.344.969.636

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 13.266.278.211 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15.161.441.436 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Tại ngày 31/12/2025	10.533.835.165	30.000.000	10.563.835.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2025	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	10.533.835.165	-	10.533.835.165
Tại ngày 31/12/2025	10.533.835.165	-	10.533.835.165

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 31/12/2025	-	30.000.000	30.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.533.835.165 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2025 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào tài sản cố định VND	31/12/2025 VND
Máy ép đùn	-	372.756.083	(372.756.083)	-
	-	372.756.083	(372.756.083)	-

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Mai Kim Ngân	1.431.698.800	1.431.698.800	546.739.200	546.739.200
Công ty TNHH Dầu gạo Thuận Cường	885.141.915	885.141.915	722.400	722.400
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Khải	657.097.000	657.097.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.860.792.210	2.860.792.210	10.497.783.168	10.497.783.168
	5.834.729.925	5.834.729.925	11.045.244.768	11.045.244.768

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Hồ Thị Kim Thoa	47.535.686.118	-
Nguyễn Thúy Hằng	1.978.300.000	-
Các khách hàng khác	753.747.251	7.171.272.136
	50.267.733.369	7.171.272.136

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà Nước

	01/01/2025 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2025 Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.224.119	6.411.877.617	(2.010.000.000)	4.650.101.736
Thuế thu nhập cá nhân	15.351.850	135.161.587	(74.187.857)	76.325.580
Thuế tài nguyên	365.370	6.347.640	(6.287.040)	425.970
Các loại thuế khác	-	43.340.255	(43.340.255)	-
	263.941.339	6.596.727.099	(2.133.815.152)	4.726.853.286

Thuế giá trị gia tăng

Công ty sản xuất và kinh doanh sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.511.697.643	1.032.798.222
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.805.565.186	225.884.752
Thu nhập tính thuế	23.317.262.829	1.258.682.974
Thuế suất TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.663.452.566	251.736.595
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	1.748.425.051	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.411.877.617	251.736.595

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	255.789.694	235.704.716
Tiền điện	368.880.669	208.135.734
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.931.122	6.931.122
	631.601.485	450.771.572

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	426.778.202	353.446.702
Cổ tức phải trả	205.875.000	205.875.000
Phải trả, phải nộp khác	123.329.321	5.180.069.921
	755.982.523	5.739.391.623

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	6.500.000.000
	-	6.500.000.000

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.16.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2025 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	01/01/2025 Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (1)	176.210.208.458	176.210.208.458	169.754.695.762	169.754.695.762
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
	180.210.208.458	180.210.208.458	169.754.695.762	169.754.695.762

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2025 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền đã trả trong năm VND	31/12/2025 VND
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (1)	169.754.695.762	467.954.512.687	-	(461.498.999.991)	176.210.208.458
Nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Chiểu (xem 5.16.2)	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
	169.754.695.762	467.954.512.687	4.000.000.000	(461.498.999.991)	180.210.208.458

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu theo hợp đồng tín dụng số 02/2025/8149071/HĐTD ngày 17/10/2025:

Mục đích : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Hạn mức : 180.000.000.000 VND

Thời hạn : 12 tháng

Lãi suất : 6,10% - 8,10%/năm (theo quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ)

Hình thức đảm bảo : Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo hợp đồng này, các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là hợp đồng bảo đảm) được giao kết giữa ngân hàng và khách hàng/ bên thứ ba trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của hợp đồng bảo đảm bao gồm (một cách cụ thể hoặc bao quát) các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

này. Trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba thì hợp đồng bảo đảm không bắt buộc phải có sự tham gia ký kết của khách hàng.

Tại ngày 31/12/2025 : 176.210.208.458 VND

5.16.2 Vay dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	34.234.416.350	34.234.416.350	41.634.416.350	41.634.416.350
	34.234.416.350	34.234.416.350	41.634.416.350	41.634.416.350

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2025	Vay trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền đã trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bà Chiểu (1)	21.634.416.350	655.000.000	(4.000.000.000)	(4.055.000.000)	14.234.416.350
Vay cá nhân					
Hồ Thị Kim Thoa (2)	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
	41.634.416.350	655.000.000	(4.000.000.000)	(4.055.000.000)	34.234.416.350

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

- (1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu
- Hợp đồng vay : Hợp đồng tín dụng số 01/2023/8149071/HĐTD ngày 11/07/2023 và PL01 ngày 01/07/2024
- Mục đích : Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh
- Số tiền : 23.483.000.000 VND
- Thời hạn : 120 tháng (tính từ ngày 11/07/2023)
- Lãi suất : 7,90%/năm
- Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2024 bằng lãi suất tiết kiệm dân cư bằng đồng việt nam kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của BIDV niêm yết + 4%/năm.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Domenal tại địa chỉ Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp. Gồm Máy nghiền (theo Hợp đồng số 111-2614 ngày 02/03/2023), máy ép dunn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW.
- Tại ngày 31/12/2025 : Số dư nợ gốc: 14.234.416.350 VND
- : Số dư nợ đến hạn trả: 4.000.000.000 VND
- (2) Vay cá nhân - Bà Hồ Thị Kim Thoa
- Hợp đồng vay : 01/GTKH/DMN_HTKT ngày 30/05/2023 và phụ lục hợp đồng số: 01/GTKH/HMD_HTKT ngày 30/05/2025
- Mục đích : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Số tiền : 20.000.000.000 VND
- Thời hạn : 54 tháng (tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/11/2027)
- Lãi suất : 8,00%/năm
- Tài sản đảm bảo : Không có tài sản đảm bảo
- Tại ngày 31/12/2025 : 20.000.000.000 VND

5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	125.000.000.000	5.974.148.571	31.388.179.292	162.362.327.863
Lãi trong năm	-	-	781.061.627	781.061.627
Tại ngày 31/12/2024	125.000.000.000	5.974.148.571	32.169.240.919	163.143.389.490
Tại ngày 01/01/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	32.169.240.919	163.143.389.490
Lãi trong năm	-	-	15.099.820.026	15.099.820.026
Tại ngày 31/12/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	47.269.060.945	178.243.209.516

5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp và được thay đổi lần thứ 19 ngày 29 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

Cổ đông	31/12/2025			01/01/2025		
	Cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	8.996.720	89.967.200.000	71,97%	8.996.720	89.967.200.000	71,97%
Các cổ đông khác	3.503.280	35.032.800.000	28,03%	3.503.280	35.032.800.000	28,03%
	12.500.000	125.000.000.000	100,00%	12.500.000	125.000.000.000	100,00%

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.18.1 Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	151,68	164,88

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5.18.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	Nguyên nhân xóa sổ
Nguyễn Văn Tâm	-	2.463.050.588	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn An Khanh	-	62.237.100	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Dạng	-	1.197.929.150	Không có khả năng thu hồi
Phạm Thị Kiều	-	1.002.548.330	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Kim Khiết	-	2.620.588.810	Không có khả năng thu hồi
Huỳnh Văn Thi	-	1.033.673.825	Không có khả năng thu hồi
Võ Văn Hồng	-	1.937.321.206	Không có khả năng thu hồi
Võ Văn Bé	-	38.282.433	Không có khả năng thu hồi
Trần văn Phúc	-	604.516.663	Không có khả năng thu hồi
Phan Thị Mơ	-	4.831.250	Không có khả năng thu hồi
Phan Văn Dũng	-	462.978.775	Không có khả năng thu hồi
Phạm Thanh Trà	-	523.626.972	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần STEVINA	-	680.000.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Việt Thuận Tiến	-	57.840.000	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Thị Thúy Vi	-	180.641.217	Không có khả năng thu hồi
Trần Văn Thúc	-	104.952.643	Không có khả năng thu hồi
Huỳnh Thanh Bình	-	1.553.290.285	Không có khả năng thu hồi
Trần Hữu Nghĩa	-	3.190.231.260	Không có khả năng thu hồi
Lê Thanh Vân	-	22.403.178	Không có khả năng thu hồi
DNTN Thanh Hải	-	3.400.000.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Minh Chánh	-	2.697.792.212	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Niên	-	474.425.214	Không có khả năng thu hồi
Phạm Minh Phương	-	20.580.509	Không có khả năng thu hồi
Hà Thanh Nhựt	-	1.067.396.819	Không có khả năng thu hồi
Đặng Thụy Tường	-	2.086.190.537	Không có khả năng thu hồi
Hồ Văn Đệt	-	197.405.000	Không có khả năng thu hồi
	-	27.684.733.976	

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	458.022.638.950	435.787.093.200
Doanh thu bán hàng hóa	35.303.256.050	73.584.181.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.941.202.000	-
	501.267.097.000	509.371.275.000
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(303.000.000)	-
Doanh thu thuần	500.964.097.000	509.371.275.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm	423.991.046.608	394.335.226.163
Giá vốn bán hàng hóa	34.097.484.900	69.793.188.600
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.027.652.136	-
	463.116.183.644	464.128.414.763

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	99.845.089	1.361.405
Lãi bán hàng trả chậm	737.781.145	1.780.939.627
	837.626.234	1.782.301.032

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	14.139.388.478	15.240.626.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	38.443.145	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ	208.026	5.159.259
Chi phí tài chính khác	-	11.012.136
	14.178.039.649	15.256.797.549

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	334.736.000	66.850.300
	334.736.000	66.850.300

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.447.029.490	1.220.399.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.988.405	266.912.162
Xoá sổ các khoản công nợ phải thu không thể thu hồi	-	27.684.733.976
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.148.596.623	1.273.532.448
	2.744.614.518	30.445.577.826

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	218.181.818	-
Tiền cho thuê lại đất	95.640.000	-
Thu nhập khác	52.012.547	185.000
	365.834.365	185.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6.8 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí hao hụt gia công hàng hoá	183.951.900	-
Chi phí cho thuê lại đất	95.640.000	
Tiền phạt chậm nộp thuế	1.613.348	222.172.867
Chi phí khác	1.080.897	1.149.505
	282.286.145	223.322.372

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	427.010.901.607	396.841.662.750
Chi phí nhân công	7.527.778.158	7.243.829.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.415.047.615	5.161.864.637
Chi phí dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	27.684.733.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.147.158.504	306.646.545
Chi phí bằng tiền khác	7.565.078.340	14.489.851.702
	458.665.964.224	451.728.588.874

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	468.609.512.687	502.580.724.929
	468.609.512.687	502.580.724.929

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	465.553.999.991	513.824.923.719
	465.553.999.991	513.824.923.719

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Các khoản vay và nợ	180.210.208.458	34.234.416.350	214.444.624.808
Phải trả người bán	5.834.729.925	-	5.834.729.925
Chi phí phải trả	624.670.363	-	624.670.363
Các khoản phải trả khác	329.204.321	-	329.204.321
	186.998.813.067	34.234.416.350	221.233.229.417
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay và nợ	169.754.695.762	41.634.416.350	211.389.112.112
Phải trả người bán	11.045.244.768	-	11.045.244.768
Chi phí phải trả	443.840.450	-	443.840.450
Các khoản phải trả khác	5.385.944.921	6.500.000.000	11.885.944.921
	186.629.725.901	48.134.416.350	234.764.142.251

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản của mình vào các khoản vay (thuyết minh số 5.8 và 5.9).

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2025 và 31/12/2024 (thuyết minh 5.15.2)

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.005.334.258	81.407.248	3.005.334.258	81.407.248
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	152.832.310.077	123.192.519.100	152.832.310.077	123.192.519.100
Phải thu khác	163.732.312	132.771.000	163.732.312	132.771.000
	164.001.376.647	123.406.697.348	164.001.376.647	123.406.697.348
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	214.444.624.808	211.389.112.112	214.444.624.808	211.389.112.112
Phải trả người bán	5.834.729.925	11.045.244.768	5.834.729.925	11.045.244.768
Chi phí phải trả	624.670.363	450.771.572	624.670.363	450.771.572
Các khoản phải trả khác	329.204.321	11.885.944.921	329.204.321	11.885.944.921
	221.233.229.417	234.771.073.373	221.233.229.417	234.771.073.373

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	204.480.000	204.480.000
Võ Đình Hải	Thành viên HĐQT	67.860.000	90.480.000
Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát	84.392.661	7.346.666
Nguyễn Ngọc Yến	Trưởng ban kiểm soát	-	93.442.400
Phan Thị Cẩm Hương	Thành viên ban kiểm soát	47.904.778	143.971.490
Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	96.444.444	96.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát Cung cấp dịch vụ	95.640.000	-

Số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan:

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có số dư với các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.


NGUYỄN THỊ KIỀU

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2026

CTY CP DOMENAL

Mã cổ phiếu: DMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 31/CV/2026/DMN

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

V/v: Giải trình lợi nhuận năm 2025
vượt hơn 10% so với năm 2024

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
QUÝ CỔ ĐÔNG

Công Ty Cổ Phần Domenal kính giải trình lợi nhuận sau thuế chênh lệch hơn 10% của năm 2025 so với năm 2024 như sau:

Năm 2023 trở về trước, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi nên báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ. Năm 2024 Công ty đã trích lập dự phòng và xử lý nợ phải thu khó đòi tồn đọng nhiều năm trước đến cuối năm 2024 đầy đủ theo quy định với số tiền hơn 27 tỷ đồng đã làm tăng chi phí, đồng nghĩa với lợi nhuận của năm 2024 giảm xuống tương ứng và còn lại rất ít.

Năm 2025 Công ty không có nợ phải thu khó đòi và kinh doanh thuận lợi đã tạo ra lợi nhuận vượt mức kế hoạch đề ra.

Vì vậy lợi nhuận năm 2025 tăng vượt hơn 10% so với năm 2024.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS để b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hà